

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *126* /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày *12* tháng *5* năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec) tại Công văn số 237/NLHKMB ngày 11 tháng 3 năm 2026, Công văn số 340/NLHKMB-KHTC ngày 02 tháng 4 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 521/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec), địa chỉ trụ sở chính tại số 202 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở: Mở rộng kho nhiên liệu hàng không sân bay Đồng Hới, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Cơ sở: Mở rộng kho nhiên liệu hàng không sân bay Đồng Hới.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cảng hàng không Đồng Hới, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số: 0100107638 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 28 tháng 11 năm 2025, do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0100107638.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh xăng dầu nhiên liệu hàng không Jet A-1.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Diện tích sử dụng đất: 15.000 m² (Trong đó: Diện tích cơ sở hiện trạng 4.543 m² và diện tích mở rộng 10.457 m²).

- Nhóm dự án: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Công suất thiết kế: Tổng sức chứa 4.000 m³ nhiên liệu.

- Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất:

+ *Quy trình nhập nhiên liệu Jet A-1:*

Nhiên liệu từ kho đầu nguồn → Xe bồn → Họng xuất → Bơm nhập → Lọc nước, cặn → Bể chứa.

+ *Quy trình xuất và tra nạp nhiên liệu Jet A-1 cho tàu bay:*

Nhiên liệu từ bể chứa → Bơm xuất → Lọc nước, cặn → Họng nhập → Xe tra nạp → Chuẩn bị tra nạp → Tra nạp cho tàu bay → Kết thúc.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec).

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký ban hành Giấy phép môi trường này.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Đồng Thuận và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- UBND phường Đồng Thuận;
- UBND xã Nam Trạch;
- Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam;
- CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *HC*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam





Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **426** /GPMT-UBND

ngày **12** tháng **5** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nước thải sinh hoạt:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực văn phòng.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ bếp nhà ăn.

1.2. Nước thải sản xuất (nước thải nhiễm dầu):

- Nguồn số 03: Nước thải nhiễm dầu từ vệ sinh sân nền khu vực xuất xăng dầu.
- Nguồn số 04: Nước thải nhiễm dầu từ vệ sinh máy móc, thiết bị khi sửa chữa, bảo dưỡng tại kho kỹ thuật.
- Nguồn số 05: Nước thải nhiễm dầu từ rửa xe tra nạp, vận chuyển tại khu vực để xe.
- Nguồn số 06: Nước mưa chảy tràn nhiễm dầu quanh khu vực bể chứa, nhà xuất nhập nhiên liệu.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải: Cơ sở có 02 (hai) dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải.

- Dòng nước thải số 01: Dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (nguồn số 01 và 02).
- Dòng nước thải số 02: Dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất (nguồn số 03, 04, 05 và 06).

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước mặt hồ Bàu Bàng thuộc TDP 11 - Hữu Cung, phường Đồng Thuận và thôn 6, xã Nam Trạch, tỉnh Quảng Trị.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Tại TDP 11 - Hữu Cung, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106^0 , múi chiều 3^0): $X(m) = 1937244,535$; $Y(m) = 562005,352$

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Dòng nước thải số 01: $5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Dòng nước thải số 02: $40 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.5. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép xả tự chảy theo đường dẫn thoát ra điểm tiếp nhận. Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là tự chảy, xả mặt.

2.6. Chế độ xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ trong quá trình hoạt động.

- Dòng nước thải số 02: Xả gián đoạn.

2.7. Chất lượng nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, Bảng 2), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	-	-
2	pH	-	5-9	
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	≤ 35	
4	COD	mg/l	≤ 90	
5	TSS	mg/l	≤ 60	
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	≤ 8	
7	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,5	
8	Tổng N	mg/l	≤ 30	
9	Tổng P	mg/l	≤ 2,5	
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 15	
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 5	
12	Tổng coliform	Vi khuẩn /100ml	≤ 5.000	
13	Clo dư	mg/l	≤ 2,0	
14	Chloroform (CHCl ₃)	mg/l	≤ 0,8	

Chỉ tiêu Clo dư và Chloroform (CHCl₃) áp dụng theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, Bảng 2).

- Dòng nước thải số 02: Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	-	
2	pH	-	6-9	
3	TSS	mg/l	≤ 80	



4	BOD ₅	mg/l	≤ 60	-
5	COD	mg/l	≤ 90	
6	Tổng N	mg/l	≤ 40	
7	Tổng P	mg/l	≤ 2,5	
8	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 5	
9	Coliform	Vi khuẩn /100ml	≤ 5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom xử lý qua bể tự hoại, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung để xử lý.

+ Nước thải từ nhà ăn và nước thải xám được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung để xử lý.

Nước thải sau khi xử lý tại bể xử lý tập trung được đầu nối vào hệ thống thoát nước của Cảng hàng không Đồng Hới dẫn về hồ Bàu Bàng.

- Nước thải sản xuất (nước thải nhiễm dầu):

+ Nước thải nhiễm dầu từ vệ sinh sân nền khu vực xuất xăng dầu cho xe bồn được thu gom về bể gạn dầu, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu để xử lý.

+ Nước thải nhiễm dầu từ vệ sinh máy móc, thiết bị khi sửa chữa, bảo dưỡng tại kho kỹ thuật được thu gom về bể gạn dầu, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu để xử lý.

- Nước thải nhiễm dầu từ rửa xe tra nạp, vận chuyển tại khu vực để xe được thu gom về bể gạn dầu, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu để xử lý.

+ Nước mưa chảy tràn nhiễm dầu quanh khu vực bể chứa, nhà xuất nhập nhiên liệu được thu gom về hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Oxic kết hợp màng MBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

Công suất thiết kế: 5 m³/ngày đêm.

Hóa chất sử dụng: Viên nén Clo.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu:

Nước thải nhiễm dầu → Hệ thống bể tách dầu (3 ngăn) → Thiết bị tách dầu API → Nguồn tiếp nhận.

Công suất thiết kế: 40 m³/ngày đêm.

Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Không thuộc đối tượng lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và duy tu định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ 30/6/2027 đến ngày 30/9/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải được nêu tại mục 1.2 Phần B Phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (Tọa độ theo hệ VN 2000, múi chiều 3⁰, kinh tuyến 106⁰), cụ thể:

- Vị trí lấy mẫu nước thải sinh hoạt:

+ Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải: X(m) = 1937026,462; Y(m) = 562048,261.

+ Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải: X(m) = 1937097,477; Y(m) = 562038,272.

- Vị trí lấy mẫu nước thải sản xuất (nước thải nhiễm dầu):

+ Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải: X(m) = 1937259,082; Y(m) = 562059,573 .

+ Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải: X(m) = 1937239,029; Y(m) = 562000,595.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm chủ cơ sở phải giám sát chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.7 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:



- Quan trắc nước thải sinh hoạt: Quan trắc ít nhất 01 mẫu đơn (01 mẫu nước thải đầu ra) theo quy định tại khoản 7 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quan trắc nước thải sản xuất (nước thải nhiễm dầu): Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra) theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Trong quá trình xả thải vào hồ Bàu Bàng nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong hồ Bàu Bàng, Chủ cơ sở phải dừng ngay các hoạt động xả thải, đồng thời báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Nam Trạch và UBND phường Đồng Thuận.

3.3. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình, hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

- Thời gian vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm phải thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, phải dừng ngay hoạt động, khẩn trương khắc phục hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải mới tiếp tục đi vào hoạt động trở lại, đảm bảo nước thải phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec) phải tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Đồng Thuận và các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

3.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở trong quá trình vận hành đều được thu gom, xử lý, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành.

- Thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực; đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

- Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (Skypec) chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải ra môi trường chưa đáp ứng các quy định về xả thải theo đúng quy định của pháp luật; phải dừng ngay các hoạt động xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo đúng quy định.



Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 126 /GPMT-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Khoảng thời gian và giới hạn tối đa cho phép đối với mức ồn(dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (6h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	50	45	40	-	Khu vực A
2	55	50	45	-	Khu vực B
3	60	55	50	-	Khu vực C
4	65	60	55	-	Khu vực D
5	70	65	60	-	Khu vực E

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

2.2. Độ rung:

TT	Khoảng thời gian và giá trị tối đa cho phép đối với mức rung (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (6h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)		
1	60	55	-	Khu vực A
2	65	60	-	Khu vực B
3	70	65	-	Khu vực C
4	75	70	-	Khu vực D

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Chú trọng công tác bảo dưỡng thiết bị định kỳ; thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, độ mòn chi tiết. Đồng thời, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng, cho dầu bôi trơn hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời. Không thực hiện bảo trì, sửa chữa thiết bị máy vào ban đêm đảm bảo không gây ô nhiễm tiếng ồn cho khu vực xung quanh.

- Vận hành máy móc, thiết bị đúng kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 126/GPMT-UBND
ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 220 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 856,68 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 5.000 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh khoảng 591 kg/năm.

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư 09/2026/TT-BNNMT. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng có nắp đậy để thu gom chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát; tập kết vào kho và hợp đồng với đơn vị có năng lực xử lý chất thải nguy hại để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải đúng quy định.

- Kho lưu chứa: Đơn vị bố trí kho lưu chứa có diện tích 25 m², có mái lợp tôn, nền chống thấm, biển báo, gờ bao xung quanh, trang bị bình chữa cháy, vật liệu thấm hút để ứng phó khi có sự cố xảy ra theo đúng quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bùn thải được lưu giữ trực tiếp trong hệ thống xử lý nước thải. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường khác được thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng có nắp đậy đặt tại khu văn phòng, nhà bếp và các khu chức năng của cơ sở để thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Kho lưu chứa: Đơn vị bố trí kho lưu chứa có diện tích 5 m², có mái che, nền chống thấm, gờ bao xung quanh, có biển cảnh báo, phòng ngừa theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện các yêu cầu về phòng ngừa sự cố chất thải, ứng phó sự cố chất thải theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

2. Tuân thủ quy định về quản lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

3. Thực hiện việc chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 126/GPMT-UBNDngày 12 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý.
2. Chất thải phải được phân loại, thu gom và hợp đồng chuyển giao xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường và theo đúng quy định.
3. Có biện pháp giảm thiểu mùi xăng dầu phát sinh trong quá trình hoạt động, không gây ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.
6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường.
7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Giấy phép này căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường; Chủ Cơ sở tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông số này).